

Bản án số: 31/2020/HS-ST

Ngày: 18/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Quỳnh- Bí thư Đoàn xã Cẩm Quý, huyện C

Bà Nguyễn Thị Tiếp – Cán bộ Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Sơn, huyện C

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/HSST, ngày 11/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST- HS ngày 27/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020, ngày 08/9/2020 đối các bị cáo:

1.Họ và tên: Bùi Văn H- Sinh ngày: 14/5/1998, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;Nơi cư trú: Thôn Lương Thành, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa:9/12: Con ông: Bùi Văn B; Con bà: Doãn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn (Thời gian tạm giữ là 09 ngày), đến ngày 31/5/2020 tiếp tục bị tạm giữ, tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Văn T- sinh ngày: 08/12/2003, tại xã C,huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;Nơi cư trú: Thôn Giang Hồng 2, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 8/12.Con ông: Bùi Văn T (Đã chết), Con bà:Lưu Thị H – SN: 1979

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2018 bị xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, năm 2019 bị xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị tạm giam từ ngày 02/6/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Văn T: Bà Lưu Thị H – sinh năm 1979 (mẹ đẻ của T)

Trú tại :Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị T– Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do

- *Người bị hại:*

Bà Dương Thị H – sinh năm 1970

Trú tại: Thôn P, xã N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bà Phạm Thị Th- sinh năm 1963

Trú tại : Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

Bà Bùi Thị Đ- sinh năm 1963

Trú tại: Thôn D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Anh Phạm Văn V – sinh năm 1982

Trú tại : Thôn G, xã C , huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

Chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1982

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

Anh Trịnh Văn H – Trú tại: Thôn G, xã C , huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Bùi Văn T

Trú tại : Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

- *Người làm chứng :*

Ông Bùi Văn T (chồng bà H)

Trú tại: Thôn P, xã N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bà Bùi Thị H

Trú tại: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 03 giờ sáng ngày 28/5/2020, Bùi Văn H và Bùi Văn T đi bộ qua gia đình chị Nguyễn Thị H - tại thôn L, xã C, huyện C, do biết nhà chị H có quán bán hàng ở phía trước nhà, nên H nói với T là: “*Nhà chị H hay để tiền trong ngăn tủ vào xem có gì không*”, T đồng ý, H và T nhẩy tường đi vào phía căn nhà chính, T đã dùng chiếc kéo của nhà chị H để ở bể nước để cây chốt cửa và mở cửa vào nhà, sau khi lục lọi trong nhà H đã lấy được 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA N230 và 01 (Một) chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5. Sau đó H và T dùng kéo cắt cửa quán bán hàng, cắt ngăn tủ ở quán để lấy tiền, thẻ cào điện thoại, đồng hồ đeo tay; vòng đeo tay. Sau đó H và T chạy ra ngoài và đi ra quán Internet ở thị trấn P để chơi game. Tại quán game, H và T đã chia nhau số thẻ cào đã để chơi game, còn số tiền trộm cắp chia nhau sử dụng tiêu dùng cá nhân hết. Đến ngày 31/5/2020, Bùi Văn H đến Công an xã C, huyện C để tự thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 28/5/2020.

Theo báo cáo của chị Nguyễn Thị H, ngày 28/5/2020 gia đình chị bị trộm cắp tài sản gồm: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA N230; 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5; 01 (Một) chiếc đồng hồ đeo tay; 01 (Một) chiếc vòng đeo tay; 01 (Một) vòng cổ; 01 (Một) thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), 04 (Bốn) thẻ cào Viettel mệnh giá 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) và số tiền 5.670.000 đ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA N230 tại thời điểm chiếm đoạt trị giá là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 tại thời điểm chiếm đoạt trị giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

- 01 (Một) chiếc vòng đeo tay, dạng chuỗi hạt hình tròn màu xanh ngọc, đường kính 05 cm, dây khâu giữa các hạt là loại dây cao su màu trắng có thể co giãn tại thời điểm chiếm đoạt trị giá 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng).

- 01 (Một) đồng hồ đeo tay dây da màu đen, mặt đồng hồ hình tròn màu trắng, góc phía trên mặt đồng hồ có in dòng chữ LONGBO, góc phía dưới mặt đồng hồ có in dòng chữ QUART2 tại thời điểm chiếm đoạt trị giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn H và Bùi Văn T khai nhận đã cùng nhau thực hiện 05 vụ trộm cắp khác như sau:

* Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 18/3/2020, Bùi Văn H và Bùi Văn T cùng nhau đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream màu nâu trắng, BKS: 36F5-5818 của gia đình T với mục đích quan sát gia đình nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực cửa hàng vật liệu xây dựng của gia đình bà Phạm Thị Th, ở thôn C, xã C, huyện C thì T và H dừng lại để xe ở cạnh đường mòn Hồ Chí Minh. Sau đó trèo qua hàng rào sắt để cắt cửa và vào phía trong một căn phòng thấy có két sắt, H đi ra ngoài tìm được một chiếc xà cày rồi cùng T cắt phá được két sắt và trộm cắp được 01 (Một) dây chuyền vàng, dạng hình trụ có mặt đá trọng lượng 03 (Ba) chỉ. Sau khi trộm cắp được tài sản, H và T ra lấy xe mô tô và đi thuê nhà nghỉ. Đến sáng cùng ngày, H và T đi đến một cửa hàng mua bán vàng tại xã C, huyện C để bán vàng được số tiền 4.500.000đ

(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó chia nhau tiêu xài hết số tiền bán vàng được.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận.

- 01 (Một) kết sắt màu xanh, nhãn hiệu Sơn Hà, kích thước (0,5x0,8x0,35)m tại thời điểm bị hư hỏng có trị giá là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- 01 (Một) dây chuyền vàng, dạng hình trụ có mặt đá trọng lượng 03 (Ba) chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng)

* Vụ thứ hai: Vào khoảng 19 giờ ngày 23/3/2020, Bùi Văn H rủ Bùi Văn T đi trộm cắp tài sản của gia đình bà Dương Thị H ở thôn P, xã N, huyện C. Khi đi H và T đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream màu nâu trắng, BKS: 36F5-5818. Quan sát nhà bà H thấy cửa khóa ngoài và không có ai ở nhà nên H và T dựng xe gần đó và T dùng một cái xà cày và một cái búa mang theo để bậy và giữ cửa để cho H trèo lên đập cửa và chui vào bên trong. H tìm chìa khóa và mở cửa để cho T cùng vào bên trong. H và T dùng chiếc xà cày và búa mang theo cạy phá kết sắt và lấy tiền để trong két, sau đó cả hai đi đến một nhà nghỉ ở thị trấn Phong Sơn, huyện C để nghỉ. Sau khi trả tiền nhà nghỉ, H và T chia nhau số tiền đã trộm cắp được, H được số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và T được 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền này H và T đã sử dụng tiêu dùng cá nhân hết.

Đối với chiếc két bị hư hỏng, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (Một) kết sắt màu xanh, nhãn hiệu Việt Tiệp, kích thước (0,5 x 0,8 x 0,35)m tại thời điểm bị hư hỏng trị giá là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Theo báo cáo của bị hại bà Dương Thị H khai báo số tiền bị trộm cắp là 46.000.000 đ (Bốn mươi sáu triệu đồng), số tiền này là của gia đình bà H buôn bán mà có.

* Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 18/4/2020, Bùi Văn T đi xe mô tô BKS: 36F5-5818 đến rủ H đi chơi. Khi đi qua rừng cao su thuộc thôn G, xã C, thì H và T thấy 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ, BKS: 36L1 - 002.03 của anh Phạm Văn V không có ai trông coi nên rủ nhau trộm cắp. T lấy tua vít trong cốp xe đưa cho H để phá ổ khóa xe. Sau đó, H nổ máy chiếc xe vừa trộm cắp đi trước còn T điều khiển chiếc xe máy đi theo sau và đi tìm nơi để bán chiếc xe mô tô nhưng không được. Do không bán được chiếc xe và sợ bị phát hiện nên H đã đi chiếc xe mô tô BKS: 36L1 - 002.03 đến gia đình anh Phạm Văn V để trả lại chiếc xe cho anh V. Đến ngày 19/4/2020 Bùi Văn H đã đến Công an xã C để tự thú về hành vi trộm cắp tài sản.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA – WAVE, màu sơn: Đỏ-đen-bạc; BKS: 36L1-002.03 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

* Vụ thứ tư: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/5/2020, Bùi Văn H và Bùi Văn T rủ nhau đi trộm cắp tài sản của gia đình anh Trịnh Văn H, trú tại thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, thấy cửa sau nhà không khóa nên đẩy cửa đi vào nhà. T và H lấy dao của nhà anh H để cạy kết sắt, khi cạy được kết nhưng không có tiền, H lục tìm trong tủ thì thấy có chiếc ví bên trong có 27.000 đ (*Hai mươi bảy nghìn đồng*) H đưa T mua bim bim cả hai ăn rồi về nhà

* Vụ thứ năm: Khoảng 19 giờ ngày 29/5/2020, Bùi Văn H và Bùi Văn T đi trên chiếc xe mô tô BKS: BKS: 36K6 – 9914 (chiếc xe T mượn của chị Nguyễn Thị H) khi đi đến khu vực gia đình bà Bùi Thị Đ, trú tại thôn D, thị trấn P, huyện C, thấy không có người ở nhà nên chạy xe về nhà T để lấy xà cày và dao rồi quay lại nhà bà Đ. T dựng xe máy ở ven đường rồi vòng ra phía sau nhà bà Đ dùng dao chặt song cửa sổ để chui vào trong nhà và mở cửa sau cho H vào nhà, lúc này T nhìn thấy một chiếc ví màu đỏ nên T lại gần và mở chiếc ví ra thấy có 160.000đ (*Một trăm sáu mươi nghìn đồng*) nên T đã bỏ vào túi; H lấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S trong phong ngủ. Sau đó, H và T dùng xà cày cạy phá kết sắt, khi cạy được kết sắt ra thì H và T trộm cắp được tài sản gồm: 01 (*Một*) dây chuyền vàng, dạng xích tròn trọng lượng 02 (*Hai*) chỉ; 01 (*Một*) dây chuyền vàng, dạng xích tròn trọng lượng 04 (*Bốn*) chỉ; 02 (*Hai*) chiếc nhẫn vàng mỗi chiếc có trọng lượng 01 (*Một*) chỉ. H và T đi thuê nhà nghỉ để nghỉ. Đến sáng ngày 30/5/2020, H và T đi lên một cửa hàng mua bán vàng ở khu vực xã C để bán vàng được 13.400.000đ (*Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) chia nhau tiêu xài. Đến ngày 01/6/2020, T một mình đi lên xã C bán số vàng còn lại được 18.460.000đ (*Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*), số tiền này T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận.

- 01 (*Một*) kết sắt màu xanh, nhãn hiệu Việt Hàn, kích thước (0,65x0,44x0,31) m tại thời điểm bị hư hỏng trị giá là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

- 01 (*Một*) dây chuyền vàng, dạng xích tròn trọng lượng 02 (*Hai*) chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 9.600.000đ (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- 01 (*Một*) dây chuyền vàng, dạng xích tròn trọng lượng 04 (*Bốn*) chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 19.200.000đ (*Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*).

- 02 (*Hai*) nhẫn vàng mỗi chiếc có trọng lượng 01 (*Một*) chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 9.600.000đ (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng mua năm 2019. Điện thoại đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Các tài sản mà Bùi Văn H và Bùi Văn T trộm cắp theo báo cáo của người bị hại có tổng trị giá là 116.167.000đ (Một trăm mười sáu triệu, một trăm sáu bảy ngàn đồng) và 1.900.000đ tiền hư hỏng tài sản. Bùi Văn H và Bùi Văn T khai nhận là 86.797.000 đ (Tám mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các tài sản sau:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA N230; 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5; 01 (Một) chiếc vòng đeo tay, dạng chuỗi hạt hình tròn, màu xanh ngọc; 01 (Một) chiếc đồng hồ đeo tay trả lại cho chị Nguyễn Thị H.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS: 36L1 - 002.03 trả lại cho anh Phạm Văn V.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SUZUKI, màu đỏ - đen, xe không có yếm, đã hư hỏng nặng, BKS: 36K6 – 9914 trả lại cho chị Hằng.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng trả lại cho bà Bùi Thị Đ.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Dream, màu sơn: Nâu-Trắng, BKS: 36F5 – 5818 , một xà cày tự chế dài 70cm, đường kính 02cm, một đầu dẹt, một đầu được chế để nhỏ đỉnh. và ba chiếc kết sắt bị cạy phá chuyển cơ quan thi hành án dân sự xem xét xử lý .

* Về phần dân sự: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường lại số tiền là: 5.670.000 đ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) và 130.000 đ (Một trăm ba mươi nghìn đồng) tiền thẻ cào.

- Bà Phạm Thị Th yêu cầu bồi thường lại số vàng bị trộm cắp tương ứng số tiền là 14.400.000 đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) và trị giá kết sắt bị hư hỏng là 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- Bà Dương Thị H yêu cầu bồi thường lại số tiền là 46.000.000 đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) và trị giá kết sắt bị hư hỏng là 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- Bà Bùi Thị Đ yêu cầu bồi thường lại số vàng bị trộm cắp tương ứng số tiền là 38.400.000 đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) và 160.000đ tiền mặt và trị giá kết sắt bị hư hỏng là 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 39.060.000đ.

- Anh Phạm Văn V không có yêu cầu đề nghị gì.

- Anh Trịnh Văn H không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS-SH ngày 10/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 135, Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (đối với cả 02 bị cáo) áp dụng Điều 90, Điều 98, Điều 101 BLHS (đối với bị cáo Bùi Văn T) xử phạt : Bị cáo Bùi Văn H từ 04 năm – 05 năm tù; Bị cáo Bùi Văn T từ 03 năm- 04 năm tù

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc Bùi Văn H, Bùi Văn T phải liên đới bồi thường cho người bị hại

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn H khai nhận: Bị cáo thống nhất với nội dung bản cáo trạng nêu. Đối với số tiền gia đình chị H, bị cáo chỉ nhớ là đếm được 2.300.000đ, còn tiền của gia đình bà H khi cây được kết thì thấy tiền cũng được xếp gọn gàng theo từng mệnh giá, bị cáo không đếm mà bỏ vào túi quần rồi chạy xe máy đi đến nhà nghỉ, sau khi trả tiền thuê phòng và mua một số đồ dùng cá nhân, bị cáo và T đếm tiền chia nhau, bị cáo không nhớ chính xác mà chỉ nhớ là hơn 20.000.000đ. Nay bị cáo chấp nhận bồi thường cho gia đình bà H số tiền bao nhiêu do Hội đồng xét xử quyết định.

Bị cáo Bùi Văn T: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng. Đối với số tài sản trộm cắp được của gia đình bà Đ, trong lúc đi bán vàng, bị cáo đã giữ lại một dây chuyền vàng và đi bán được 18.469.000đ, bị cáo sử dụng riêng không chia cho H. Nay bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho gia đình các bị hại. Số tiền bồi thường cho gia đình bà H bao nhiêu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Người bị hại: Bà Bùi Thị Đ, bà Phạm Thị Th thống nhất với giá trị tài sản được nêu trong bản cáo trạng.

Anh Phạm Văn V, anh Trịnh Văn H không có yêu cầu gì.

Chị Nguyễn Thị H: Tại phiên tòa chị thống nhất số tiền các bị cáo phải bồi thường cho gia đình chị là 2.300.000đ và 130.000đ trị giá thẻ cào điện thoại.

Chị Dương Thị H trình bày: Gia đình chị làm nghề mua bán thịt lợn. Vào thời điểm cuối tháng 2/2020 chị có mua của chị Bùi Thị H 10 con lợn trị giá 67.000.000đ để mổ thịt bán dần, chị thống nhất với chị H là khi nào bán xong sẽ trả đủ tiền một lần, nên hàng ngày bán hàng xong chị đếm tiền và xếp từng loại tiền cất vào két sắt để dần trả nợ, chị nhớ chính xác tiền bán thịt lợn là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu) đồng, còn lại là 14.000.000đ (Mười bốn triệu) đồng là tiền vốn buôn bán của gia đình. Nay chị đề nghị các bị cáo phải liên đới

bồi thường cho chị số tiền bị mất ngày 23/3/2020 là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu) đồng.

Người làm chứng chị Bùi Thị H cũng trình bày: Vào thời gian cuối tháng 02/2020, chị Dương Thị H có mua của gia đình chị 10 con lợn trị giá 67.000.000đ, chị H hẹn là bán xong lợn sẽ trả đủ tiền một lần cho chị, thời điểm tháng 3/2020 chị H vẫn chưa trả được tiền cho chị.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T: Thống nhất các nội dung trong bản cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS và xem xét điều kiện hoàn cảnh của Bùi Văn T bố mất sớm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo phạm tội ở tuổi vị thành niên, phạm tội với vai trò giúp sức để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho Bùi Văn T (bà Lưu Thị H) trình bày: Bùi Văn T là con thứ hai trong gia đình, bố mất sớm nhưng không chịu khó làm ăn mà nghiện điện tử, sống phụ thuộc vào mẹ, trước đây đã hai lần trộm cắp tài sản bị xử lý hành chính, bà đã phải bồi thường cho các bị hại nhưng T vẫn không thay đổi, không chịu lao động cải tạo thành người có ích. Về phần bồi thường thiệt hại cho các gia đình bà nhất trí bồi thường, nhưng do chưa có điều kiện nên chưa bồi thường được.

Ông Bùi Văn B (bố đẻ bị cáo H) cũng trình bày: Bị cáo H sống phụ thuộc bố mẹ, nghiện game, không chịu lao động, gia đình đã nhắc nhở giáo dục nhưng không thay đổi, tiền bị cáo H trộm cắp chỉ sử dụng vào mục đích cá nhân của H.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn T trình bày: anh là anh trai của bị cáo Bùi Văn T đầu năm 2020 anh đi làm thuê tiết kiệm được 4.000.000đ để mua chiếc xe **BKS: 36F5 – 5818 làm phương tiện đi lại trong dịp tết, sau tết anh đi làm ăn xa, xe máy để ở nhà, giấy tờ xe máy anh giữ, anh không biết T lấy xe máy của anh đi trộm cắp. Nay anh đề nghị được nhận lại chiếc xe làm phương tiện đi lại.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả định giá, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong các ngày 18/3/2020, ngày 18/4/2020, ngày 26/5/2020, ngày 27/5/2020 và ngày 29/5/2020, Bùi Văn H và Bùi Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của gia đình các bị hại gồm: bà Phạm Thị Th số tài sản trị giá: 14.400.000đ (*Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*); gia đình anh Phạm Văn V tài sản trị giá: 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*); của gia đình anh Trịnh Văn H số tiền: 27.000đ (*Hai mươi bảy nghìn đồng*); của gia đình chị Nguyễn Thị H số tài sản trị giá: 3.310.000đ (*Ba triệu ba trăm mười nghìn đồng*); của gia đình bà Bùi Thị Đ số tài sản trị giá: 41.060.000đ (*Bốn mươi một triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng*). Đối với số tiền trộm cắp của gia đình chị Dương Thị H ngày 23/3/2020, tại phiên tòa có căn cứ để chấp nhận là 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*). Như vậy tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là: 98.797.000đ (*Chín mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn đồng*). Hành vi của các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Bùi Văn H và Bùi Văn T không có nghề nghiệp trong một thời gian ngắn thực hiện liên tục 06 vụ trộm cắp tài sản trị giá trên 50.000.000đ, các bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, số tiền trộm cắp được sử dụng vào mục đích chơi game, nên các bị cáo không phải chịu tình tiết phạm tội chuyên nghiệp mà chỉ phải chịu tình tiết định khung “ *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS như Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Cả hai bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, nhưng đều nghiện điện tử thường xuyên đi lang thang quan sát lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu để trộm cắp tài sản, trong một thời gian ngắn đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C với phương thức thực hiện tội phạm táo tợn, liều lĩnh không kể thời gian là ban ngày hay ban đêm với thủ đoạn cây phá kết sắt, dùng dao chặt song cửa chiếm đoạt số tiền lớn, bị cáo Bùi Văn H trong thời gian đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện C cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/4/2020, chỉ trong thời gian một tháng đã cùng Bùi Văn T thực hiện liên tiếp 03 vụ trộm cắp tài sản, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy việc lên mức hình phạt tù và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tính chất của vụ án: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không bàn bạc gì với

nhau từ trước mà đều hiểu ý nhau, hỗ trợ nhau tích cực cùng phạm tội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt bị cáo H phải chịu mức án hình phạt cao hơn bị cáo T, bị cáo với vai trò khởi xướng 04 vụ, bị cáo T khởi xướng 02 vụ. Bị cáo Bùi Văn T phạm tội đang ở tuổi vị thành niên, nên được áp dụng Điều 98, Điều 101 BLHS để quyết định hình phạt.

[6]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã thành khẩn khai báo. đối với chiếc xe máy của anh Phạm Văn V, các bị cáo đã tự nguyện đem trả cho anh V nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã khắc phục hậu quả được quy định tại điểm b; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo H được hưởng tình tiết tự thú được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo T có nhân thân xấu. Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Một số tài sản đã được trả lại cho các bị hại còn giá trị tài sản bị mất và bị hư hỏng trị giá là 89.290.000đ (Tám mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng), bị cáo T được sử dụng riêng số tiền bán vàng của bà Đ là 18.460.000đ nên phải chịu trách nhiệm bồi thường cao hơn bị cáo H. Cụ thể chia phần bị cáo H là 35.415.000đ. bị cáo T là 53.875.000đ.

Anh Trịnh Văn H, anh Phạm Văn V không có yêu cầu đề nghị gì nên miễn xét.

[8]. Về tang vật của vụ án: **Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Dream, màu sơn: Nâu-Trắng, BKS: 36F5 – 5818. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận T lấy chiếc xe này làm phương tiện trộm cắp, anh T không biết. nên trả lại cho anh T**

- Ba chiếc két sắt của gia đình bà Thanh, chị Hòa, chị Đức đã hư hỏng không còn giá trị, 01 chiếc xà cày tự chế là công cụ phạm tội không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy .

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Điểm c, Khoản 2, Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 48; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, Điều 135, Điều 136; Điều 331; Điều 333 BLTTHS; Điều 589 BLDS, điểm a, khoản 1; Điều 23 NQ số 326/2016/UBTVQH14 (đối với cả hai bị cáo) điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo H); Điều 90, Điều 98; Điều 101 BLHS (đối với bị cáo T)

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn H 05 (Năm) năm tù được trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù 04 (Bốn) năm 11 (Mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2020.

Bị cáo Bùi Văn T 03 năm (Ba) 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn T phải liên đới bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị H số tiền 2.430.000đ, bồi thường cho bà Phạm Thị Th số tiền 15.100.000đ; bồi thường cho chị Dương Thị H số tiền 32.700.000đ; bồi thường cho gia đình bà Bùi Thị Đ số tiền 39.060.000đ. Chia phần bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 35.415.000đ (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm mười lăm ngàn đồng); Bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 53.875.000đ (Mười mười ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bị yêu cầu thi hành án nếu bị cáo H và T không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền trên thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357BLDS năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho anh Bùi Văn T **một xe mô tô nhãn hiệu HONDA Super Dream, màu sơn: Nâu-Trắng, BKS: 36F5 – 5818. Tịch thu tiêu hủy ba kết sắt, một xà cày (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).**

Về án phí: Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000đ án phí HSST và 1.770.000đ án phí DSST

Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 2.693.000đ án phí DSST.

Án xử công khai. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bà Phạm Thị Th, anh Trịnh Văn H, anh Phạm Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Công an huyện C;
- VKND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C
- Các Cơ quan hữu quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả định giá, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 23/01/2020 tại nhà nghỉ Thanh Bình thuộc thôn Dương Huệ, thị trấn Phong Sơn, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, Trương Văn Quân đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Ngân Thị Lâm số tiền: 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi của Trương Văn Quân đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do vậy việc xử lý nghiêm với Trương Văn Quân là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo đồng thời giáo dục răn đe kẻ khác.

[4]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo thực sự ăn, năn hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Ngày 22/6/2020, ủy ban nhân dân xã Cẩm Phú xác nhận Trương Văn Quân từ trước đến nay ở địa phương không vi phạm gì, vợ đi xuất khẩu lao động đã nhiều năm chưa về, hiện nay đang nuôi con ăn học nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Quân. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, căn cứ Điều 65 BLHS cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp, đúng pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nữa nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS, Điều 135; Điều 136; Điều 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 NQ số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

T bố: Bị cáo Trương Văn Quân phạm tội Trộm cắp tài sản

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Quân 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn Quân cho UBND xã Cẩm Phú, huyện C, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Về án phí: Bị cáo Trương Văn Quân phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án, chị Ngân Thị Lâm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Công an huyện C;
- VKND huyện C;
- VKS tỉnh Thanh hóa (P7)
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C
- Các Cơ quan hữu quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh